

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN H  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2020

*V/v tranh chấp ly hôn*

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Mạnh T

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị L

- Bà Phạm Thị T

**Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng H - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H** gia phiên toà: Ông Hoàng Thanh H - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 729/2018/TLST- HNGĐ ngày 14/8/2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông Bùi Hồng Q**, sinh năm: 1963; HKTT: Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội;

- **Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T**; sinh năm: 1971; HKTT: P124 B18 tập thể K, phường K, quận Đ, Hà Nội; Trú tại: Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội;

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông: Nguyễn Giang H, sinh năm 1933; HKTT: Nhà số 8, ngõ 38B Lý Nam Đế, phường C quận H, Hà Nội.

2. Chị Bùi Thúy H, sinh năm: 1971; HKTT: Nhà số 8, ngõ 38B Lý Nam Đế, phường C quận H, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông H và bà H: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm : 1959; HKTT: Số 3 ngách 55/42 H phường N, quận B, Hà Nội.

( Ông Q, bà T, bà H có mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\*Tại Đơn ly hôn và những lời khai tiếp theo của ông Bùi Hồng Q trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Hồng Q và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, H vào ngày 01/12/2003. Sau khi kết hôn ông Q và bà T sống tại Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội. Quá trình sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, không quan tâm chia sẻ với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ 2009 đến nay. Nay ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông Q đề nghị tòa án giải quyết cho ông Q được ly hôn bà Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: ông Q và bà T có 02 con chung là: Bùi Hồng Anh, sinh ngày 01/11/2003 và Nguyễn Hoài Ngọc Anh, sinh ngày 28/3/1991; Anh Nguyễn Hoài Ngọc A đã trưởng thành trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q và bà T thỏa thuận bà T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hồng Anh, ông Q cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản và nhà ở chung: - Bất động sản, động sản: ông Q khai ông và bà T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay ông và bà T đang sinh sống trên diện tích nhà đất tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội, nguồn gốc đất là của bố ông Q tên là Nguyễn Giang H, ông H đã chuyển quyền sở hữu cho em gái ông Q là Bùi Thúy Hằng.

Đối với nguồn gốc ngôi nhà 2 tầng được xây dựng trên diện tích nhà đất của ông H tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội: ông Q khai nhà trên được xây dựng năm 2004 với tổng số tiền 660.000.000 đồng là của ông H. Khi xây nhà, ông H có giao tiền xây nhà cho ông Q 2 đợt: đợt 1: 226.000.000 đồng và 6000USD; đợt 2: sau khi thanh lý hợp đồng thì ông H giao nốt cho ông Q.

Ngoài ra, năm 2015 bố ông là Nguyễn Giang H có giao cho bà Nguyễn Thanh T số tiền 300.000.000 đồng mục đích để vợ chồng ông mua nhà. Bà T đã mang tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng VPBank- chi nhánh Lý Nam Đế. Nay, ông yêu cầu bà T phải trả lại cho bố ông số tiền 300.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Ông Q khai ông và bà T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn. Không có yêu cầu gì đối với bà T.

Ngoài ra ông Q không có yêu cầu gì khác.

\* Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Nguyễn Thanh T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thanh T xác nhận về thời gian cũng như địa điểm đăng ký kết hôn như ông Q trình bày là đúng. Quá trình sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hằng ngày. Nay ông Q xin ly hôn, bà T xác định tình cảm vẫn còn nên bà T không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông Q có 02 con chung là: Bùi Hồng Anh, sinh ngày 01/11/2003 và Nguyễn Hoài Ngọc Anh, sinh ngày 28/3/1991; không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phải ly hôn bà T và ông Q thỏa thuận bà T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồng Anh, ông Q cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản và nhà ở chung: Ngôi nhà hiện tại bà T và ông Q đang ở tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố Nguyễn Chính, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội là do bố chồng bà là ông Nguyễn Giang H( Bùi Liên) đồng ý để ông Q và bà T xây dựng trên mảnh đất mang tên ông Bùi Giang Hà vào năm 2004. Tổng giá trị xây dựng, hoàn thiện cho nhà đất trên là 800.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền xây dựng nhà trên là tiền của bà T tích lũy và tiền của bố chồng là ông H có cho vợ chồng ông Q bà T 52.000.000 đồng, mẹ đẻ bà T có cho vợ chồng ông bà 30.000.000 đồng. Năm 2010 vợ chồng bà có xây dựng ngôi nhà cấp 4 có diện tích 11,9m2 được xây dựng ở vị trí phía tay phải từ cổng vào.

Trường hợp ông Q và bà T phải ly hôn, bà T yêu cầu ông Q phải thanh toán cho bà T số tiền 400.000.000 đồng.

Bà T không thừa nhận về việc ông Nguyễn Giang H( Bùi Liên) có đưa cho bà số tiền 300.000.000 đồng tại ngân hàng VPBank- chi nhánh Lý Nam Đế, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số tiền này bà T tiết kiệm được trong thời kỳ hôn nhân và gửi ngân hàng để đảm bảo cho con gái đi du học tại Anh.

- Về nợ chung: bà T xác nhận bà và ông Q không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn: bà T đồng ý để ông Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

\*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Giang H, bà Bùi Thị Hằng- đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thanh Hà trình bày:

-Nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ số 61, ngõ 143 phố Nguyễn Chính, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội là của ông Nguyễn Giang H. Năm 2003, do ông Q và bà T kết hôn không có nhà ở nên ông H đã giao cho ông Q số tiền 660.000.000 đồng để xây dựng nhà. Số tiền này ông H giao cho ông Q làm 2 đợt: đợt 1: 226.000.000 đồng và 6000USD; đợt 2: sau khi thanh lý hợp đồng thì ông H

giao nốt cho ông Q. Việc xây dựng diện tích nhà đất này là do vợ chồng ông Q và bà T quản lý, trông coi.

Năm 2017 ông H có chuyển quyền sử dụng đất trên cho con gái là bà Bùi Thúy Hằng.

Ông H đã rút tiền tiết kiệm của mình được 340.287.436 đồng và giao cho bà T số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 23/7/2015 tại Ngân hàng VPBank- chi nhánh Lý Nam Đế với mục đích để ông Q và bà T mua nhà ở riêng. Do sợ ông Q và bà T tiêu hết số tiền trên nên ông H có yêu cầu bà T cầm tiền và gửi tiết kiệm mang tên bà T tại ngân hàng VPBank có sự chứng kiến của ông H. Tuy nhiên, sau đó bà T đã không mua nhà. Số tiền trên bà T chi tiêu thế nào ông H không biết. Đến nay, ông Q và bà T ly hôn, ông H đề nghị bà T trả lại cho ông số tiền 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Ông Bùi Hồng Q, bà Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Giang H và bà Bùi Thúy Hằng vẫn giữ nguyên quan điểm và các ý kiến như đã trình bày tại Tòa án như trên. Bà T có yêu cầu nếu phải ly hôn bà đề nghị được chia  $\frac{1}{2}$  số tài sản chung vợ chồng. Ngoài ra, ông Q, bà T, ông H, bà Hằng không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc ly hôn; chấp nhận cho ông Q được ly hôn bà T;

- Con chung: anh Nguyễn Hoài Ngọc Anh đã trưởng thành trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không xét; Giao con chung của ông Q và bà T là cháu Bùi Hồng Anh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Q cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/ tháng.

- Tài sản chung: xác nhận ông Q và bà T đã xây dựng diện tích nhà đất tại địa chỉ số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội là ngôi nhà 2 tầng có giá trị là 890.371.000 đồng, ngôi nhà cấp 4 có diện tích 11,9m<sup>2</sup> được xây dựng năm 2010 ở vị trí phía tay phải từ cổng vào với trị giá 18.007.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá đối với diện tích nhà mà ông Q và bà T xây dựng là 908.378.000 đồng. Xác định số tiền

tiết kiệm bà T rút ngày 22.7.2017 tại sổ tiết kiệm số TV 1660063 tại ngân hàng VPBank: 341.167.915 đồng là tài sản chung vợ chồng.

Tổng tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông Q, bà T là: 1.249.545.915 đồng.

Bà T có nguyện vọng được lấy tiền khi ly hôn, ông Q có nguyện vọng được lấy nhà, nên buộc ông Q phải thanh toán cho bà T số tiền 454.189.000 đồng; Bà T phải thanh toán cho ông Q số tiền: 170.583.957 đồng.

Đôi trừ số tiền bà T được nhận và trả cho ông Q thì ông Q còn phải thanh toán cho bà T số tiền: 283.605.043 đồng.

-Nợ chung: không có yêu cầu nên không giải quyết; ông Q phải chịu án phí LHST, án phí cấp dưỡng nuôi con chung; ông Q và bà T phải chịu án phí chia tài sản chung; không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

#### **NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1].Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Bà Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại: Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, H. Vì vậy, **căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39** Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

**[2].Về thủ tục tố tụng:** Ngày 14/8/2018 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án; Ngày 12/11/2018 bà Nguyễn Thanh T có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên ngày 17/12/2018 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai ra thụ lý yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Nguyễn Thanh T; Ngày 03/01/2019, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai ra Thông báo thụ lý bổ sung người tham gia tố tụng; Sau nhiều lần đối chất và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành nên ngày 16/12/2019 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2019.

**[3].Về nội dung:**

[3.1]. Quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Hồng Q và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội vào ngày 01/12/2003. Vì vậy, Hôn nhân giữa ông Q và bà T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn ông Q và bà T sống tại Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội. Quá trình sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn và đã từ rất lâu vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Bà T khai vẫn còn tình cảm với ông Q nên bà không đồng ý ly hôn.

Quá trình thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của ông Q đối với bà T, Tòa án đã tiến hành hòa giải cũng như tạo điều kiện về thời gian để ông Q và bà T hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Mặc khác, bà T cũng không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục tình trạng vợ chồng như hiện nay. Ông Q và bà T vẫn sống ly thân, không nói chuyện được với nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà T là trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, không hòa giải được. Ông Q kiên quyết ly hôn vì không còn tình cảm với bà T. Bà T không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với ông Q nhưng bà T cũng không có cách nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Thiết nghĩ, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải là sự tự nguyện từ hai phía, nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q và xử cho ông Q được ly hôn với bà T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. **Về con chung:** ông Q và bà T xác định có 02 con chung: Bùi Hồng Anh, sinh ngày 01/11/2003 và Nguyễn Hoài Ngọc A, sinh ngày 28/3/1991; Anh Nguyễn Hoài Ngọc A đã trưởng thành trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thảo thuận của ông Q và bà T để bà T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồng Anh, ông Q cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/ tháng.

[3.3] **Về tài sản chung (Động sản và bất động sản):**

- **Về động sản:** Ông Q và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về bất động sản:** Ông Q xác định ông và bà T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không đồng ý với ý kiến của ông Q, ngày 12/11/2018 bà Nguyễn Thanh T có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất tại địa chỉ số 61, ngõ 143 phố Nguyễn Chính, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội và đã được Tòa án thụ lý.

- Xét về nguồn gốc nhà đất tại thửa 13 tờ bản đồ số 28 tại địa chỉ phường T, quận H, Hà Nội (nay là Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội), ông Q, bà T đều xác định là thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Giang H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2012.

Năm 2017 ông H đã chuyển quyền sử dụng đất trên cho con gái ông là bà Bùi Thuý Hằng theo hồ sơ số 47 ngày 05/01/2017.

-Nguồn gốc ngôi nhà 02 tầng được xây dựng trên diện tích thửa đất trên hiện nay ông Q và bà T đang sinh sống:

+ ông Q, ông H, bà Hằng trình bày: là do ông Nguyễn Giang H( Bùi Liên) bỏ 660.000.000 đồng ra để xây dựng nhằm tạo chỗ ở cho vợ chồng ông Q và bà T và sau này làm nơi thờ cúng tổ tiên. Ông H có giao tiền xây dựng và hoàn thiện nhà cho ông Q làm 2 đợt: đợt 1: 226.000.000 đồng và 6000USD; đợt 2: sau khi thanh lý hợp đồng thì ông H giao nốt. Việc xây dựng nhà này do ông Q và bà T trông nom, quản lý. Nay, bà T và ông Q ly hôn, ông H có yêu cầu đòi lại tài sản là diện tích nhà trên mà ông đã bỏ tiền ra xây dựng.

+ Bà T không đồng ý với ý kiến của ông Q, ông H, bà Hằng. Bà cho rằng, tổng số tiền xây dựng căn nhà 2 tầng trên là 800.000.000 đồng. Đó là tiền của bà T tích lũy từ tiền trợ cấp đi nước ngoài về, từ tiền lương của bà và tiền của bố chồng là ông H có cho vợ chồng ông Q bà T 52.000.000 đồng, mẹ đẻ bà T có cho vợ chồng ông bà 30.000.000 đồng. Năm 2010, bà T có xây dựng thêm 01 nhà cấp 4 có diện tích 11,9m<sup>2</sup> ở phía tiếp giáp với công. Bà T cũng đã giao nộp cho Tòa án toàn bộ chứng từ mua bán vật liệu xây dựng của nhà trên. Trường hợp ông Q và bà T phải ly hôn, quá trình giải quyết bà T yêu cầu ông Q phải thanh toán cho bà T số tiền 400.000.000 đồng , tại phiên tòa, bà T yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  tài sản chung.

+ Các con của bà T và ông Q là Bùi Hồng Anh và Nguyễn Hoài Ngọc Anh, con dâu cũ là Hoàng Thị Được( đã ly hôn với anh Ngọc Anh) khẳng định không có

công sức đóng góp gì trong số tiền xây dựng nhà cũng như không có công sức trông nom khi xây dựng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đối với việc xây dựng ngôi nhà 2 tầng tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội. Theo lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu mà đương sự xuất trình thể hiện nhà trên được xây dựng trong năm 2004, trong thời kỳ hôn nhân của ông Q và bà T. Việc xây dựng nhà do ông Q và bà T đứng ra lo liệu, quản lý, việc này cũng được tất cả các đương sự thừa nhận. Đối với số tiền xây dựng nhà là 660.000.000 đồng, ông H và ông Q cho rằng đó là tiền ông H đưa cho ông Q, tuy nhiên khi ông H đưa tiền thanh toán tiền xây và hoàn thiện nhà cho ông Q không có ai chứng kiến. Các nhân chứng là bà Nguyễn Thị Ánh T là em vợ của ông Nguyễn Quang H và ông Bùi Minh K là em trai của ông H cũng chỉ nghe ông H nói về việc ông xây dựng nhà đất trên để cho vợ chồng anh Quang chị Thủy sinh sống và sau này là nơi thờ cúng tổ tiên mà không ai chứng kiến việc ông H có giao tiền cho ông Q để thanh toán tiền xây dựng nhà hay không. Bà T khai, toàn bộ tiền xây dựng nhà hết 800.000.000 đồng là của bà tích lũy từ tiền trợ cấp đi nước ngoài về, từ tiền lương của bà được mà có và được ông H có cho vợ chồng ông bà 52.000.000 đồng, mẹ đẻ bà T có cho vợ chồng ông bà 30.000.000 đồng. Năm 2010, bà T có xây dựng thêm 01 nhà cấp 4 có diện tích 11,9m<sup>2</sup> ở phía tiếp giáp với công. Bà T cũng đã giao nộp cho Tòa án toàn bộ chứng từ mua bán vật liệu xây dựng của nhà trên. Bà T cũng đã xuất trình cho Tòa án sổ bảo hiểm, bảng lương. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định toàn bộ giá trị xây dựng ( bao gồm số tiền xây dựng và hoàn thiện) các công trình xây dựng ( gồm: nhà 2 tầng và 01 nhà cấp 4 có diện tích 11,9m<sup>2</sup> ở phía tiếp giáp với công) tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội là tiền do bà T bỏ ra để xây dựng. Vì số tiền này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đó là tài sản chung của ông Q và bà T. Không chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của ông Nguyễn Quang Hà. Ông H có quyền khởi kiện đòi tài sản (số tiền 660.000.000 đồng mà ông H đưa cho ông Q) trong một vụ án dân sự khác khi có đủ căn cứ.

Theo Biên bản định giá ngày 16/5/2019 giá trị ngôi nhà 2 tầng với tổng diện tích xây dựng là 214,4m<sup>2</sup> là 890.371.000 đồng, ngôi nhà cấp 4 có diện tích 11,9m<sup>2</sup> được xây dựng năm 2010 ở vị trí phía tay phải từ cổng vào với trị giá 18.007.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá đối với diện tích nhà mà ông Q và bà T xây dựng là

908.378.000 đồng. Do là tài sản chung vợ chồng nên ông Q bà T mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  số tiền trên.

Bà T có nguyện vọng được chia  $\frac{1}{2}$  số tiền tương đương trị giá ngôi nhà. Ông Q có nguyện vọng được cư trú tại nhà đất trên. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông Q phải thanh toán cho bà T số tiền 454.189.000 đồng. Ông Quang được quyền sử hữu, sử dụng các công trình xây dựng (gồm: nhà 2 tầng với tổng diện tích xây dựng là 214,4m<sup>2</sup> và 01 nhà cấp 4 có diện tích 11,9m<sup>2</sup> ở phía tiếp giáp với công) tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội. Trường hợp bà Bùi Thúy Hằng chuyển quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội cho người khác thì phải thanh toán giá trị xây dựng nhà đất trên cho ông Bùi Hồng Q.

-Đối với nội dung trình bày của ông H về việc: ông H đã rút tiết kiệm và có giao cho bà T số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 23/7/2015 tại Ngân hàng VPBank với mục đích để ông Q và bà T mua nhà ở riêng. Do sợ ông Q và bà T tiêu hết số tiền trên nên ông H có yêu cầu bà T cầm tiền và gửi tiết kiệm mang tên bà T tại ngân hàng VPBank có sự chứng kiến của ông H. Tuy nhiên, sau đó bà T đã không mua nhà. Số tiền trên bà T chi tiêu thế nào ông H không biết. Đến nay, ông Q và bà T ly hôn, ông H đề nghị bà T trả lại cho ông số tiền 300.000.000 đồng. Bà T không đồng ý với ý kiến của ông H. Bà T khẳng định ngày 23.7.2015 bà có đến ngân hàng VPBank để gửi tiết kiệm 300.000.000 đồng nhưng đó là tiền riêng của bà T tích lũy từ lương và thưởng trong nhiều năm đi làm gửi vào ngân hàng để làm thủ tục chứng minh tài chính cho con gái bà là Bùi Hồng Anh chuẩn bị đi trại hè tại Anh. Ông H không đưa cho chị Thủy bất cứ 1 khoản tiền nào.

Tài liệu Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện, ngày 23.7.2015 ông H có đến ngân hàng VPBank để rút số tiền tiết kiệm số TV0657710 với số tiền 340.287.436 đồng và ngày 23.7.2015 bà T cũng có gửi số tiền tiết kiệm số TV 1660063 tại ngân hàng VPBank số tiền 300.000.000 đồng. Nhưng cũng không có bất cứ tài liệu nào, lời khai nhân chứng nào thể hiện việc ông H có đưa cho bà T số tiền 300.000.000 đồng và cũng không có tài liệu nào thể hiện số tiền 300.000.000 đồng bà T gửi số tiền tiết kiệm tại ngân hàng VPBank là tiền của ông

H đưa cho. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của ông H buộc bà T phải thanh toán cho ông H số tiền 300.000.000 đồng.

Bà T khai, số tiền 300.000.000 đồng bà T gửi số tiền tiết kiệm tại ngân hàng VPBank là tiền riêng của bà T. Tuy nhiên, đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên có căn cứ xác định số tiền trên là tài sản chung vợ chồng. Vì vậy, ông Q và bà T mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  số tiền bà T gửi tiết kiệm trên. Ngày 22.7.2017, bà T có rút toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm 341.167.915 đồng. Bà T khai rút tiết kiệm để chi tiêu việc trong gia đình nhưng cũng không có căn cứ tài liệu nào chứng minh bà T đã sử dụng số tiền trên hợp lý. Vì vậy, buộc bà T phải thanh toán cho ông Q số tiền 170.583.957 đồng.

**Về nợ:** ông Q và bà T đều xác định ông bà không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Án phí:** Ông Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Q phải chịu án phí chia tài sản chung vợ chồng đối với phần tài sản được chia, cụ thể: 20.000.000 đồng + 4% (454.189.000 + 170.583.957 đồng - 400.000.000 đồng) = 28.990.918 đồng

Bà T phải chịu án phí chia tài sản chung vợ chồng đối với phần tài sản được chia, cụ thể: 20.000.000 đồng + 4% (454.189.000 + 170.583.957 đồng - 400.000.000 đồng) = 28.990.918 đồng

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: - Điều 33, Điều 51; Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Hồng Q đối với bà Nguyễn Thanh T.

**1.** Ông Bùi Hồng Q được ly hôn bà Nguyễn Thanh T.

**2. Con chung:** Xác nhận ông Q và bà T có 02 con chung: Bùi Hồng A, sinh ngày 01/11/2003 và Nguyễn Hoài Ngọc A, sinh ngày 28/3/1991; Anh Nguyễn Hoài Ngọc Anh đã trưởng thành trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét. Giao cháu Bùi Hồng Anh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/ tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Hồng Anh đủ 18 tuổi hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Ông Q đ-ợc quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

**3. Tài sản chung:**

- Về động sản: ông Q, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về bất động sản:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T.

Xác nhận giá trị xây dựng (bao gồm số tiền xây dựng và hoàn thiện) các công trình xây dựng ( gồm: nhà 2 tầng với tổng diện tích xây dựng là 214,4m<sup>2</sup> và 01 nhà cấp 4 có diện tích 11,9m<sup>2</sup> ở phía tiếp giáp với cổng) tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội là tài sản chung của ông Q và bà T trong thời kỳ hôn nhân có trị giá là 908.378.000 đồng.(Bà T, ông Q mỗi người được hưởng 454.189.000 đồng).

Buộc ông Q phải thanh toán cho bà T số tiền 454.189.000 đồng. Ông Quang được quyền sử hữu, sử dụng các công trình xây dựng (gồm: nhà 2 tầng với tổng diện tích xây dựng là 214,4m<sup>2</sup> và 01 nhà cấp 4 có diện tích 11,9m<sup>2</sup> ở phía tiếp giáp với cổng) tại địa chỉ Số 61, ngõ 143 phố N C, phường L, quận H, Hà Nội. Trường hợp bà Bùi Thúy Hằng chuyển quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 61, ngõ 143 phố Nguyễn Chính, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội cho người khác thì phải thanh toán giá trị xây dựng nhà đất trên cho ông Bùi Hồng Q.

- Xác nhận số tiền 341.167.915 đồng tại số tiền tiết kiệm số TV 1660063 tại ngân hàng VPBank được bà T tất toán ngày 22.7.2017 là tài sản chung của ông Q và bà T trong thời kỳ hôn nhân. (Bà T, ông Q mỗi người được hưởng 170.583.957 đồng).

Buộc bà T phải thanh toán cho ông Q số tiền 170.000.000 đồng.

Đối trừ số tiền bà T được nhận và trả cho ông Q thì ông Q còn phải thanh toán cho bà T số tiền 283.605.043 đồng.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

**4. Về nợ chung:** Ông Q và bà T xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

**5. Án phí:** Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q phải chịu 28.990.918 đồng án phí chia tài sản chung vợ chồng

Bà T phải chịu 28.990.918 đồng án phí chia tài sản chung vợ chồng

Do bà T đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai số 0004617 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án quận Hoàng Mai, nên bà T còn tiếp tục phải nộp 18.990.918 đồng.

Do ông Q đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai số 000 0004173 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án quận Hoàng Mai, nên ông Q còn tiếp tục phải nộp 28.690.918 đồng

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- UBND P T,
- Quận H, H;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Mạnh T**







